gāo néng

高能

adjective · high-energy

Example Sentences

Zhè ge diàn chí shì gāo néng de
这个电池是高能的。

This battery is high-energy.

Gāo néng lì zǐ duì shí yàn hěn zhòng yào
高能粒子对实验很重要。

High-energy particles are important for the experiment.

Zhè bù diàn yǐng yǒu hěn duō gāo néng chǎng miàn
这部电影有很多高能场面。

This movie has many high-energy scenes.

Trace each character, then write the word on your own.

高 高 高 高 高 高 高 高 高 高 高

高 高

能 能 能 能 能 能 能 能 能 能 能

能 能